

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GẮN VỚI ĐÀO TẠO CHUYÊN SÂU TẠI HỌC VIỆN NGÂN HÀNG

ThS. LÊ THỊ MINH NGỌC*

Ngày nhận bài: 10/03/2016; ngày sửa chữa: 21/03/2016; ngày duyệt đăng: 22/03/2016.

Abstract: *International integration has laid many challenges for human resources in Vietnam. Workers are required not only wide knowledge background, but also comprehensive skills to adapt to the international working environment. Recognizing the importance of specialized training courses, Banking Academy has been reforming curriculum, applying learner-centered methods in teaching with aim to train skilled labours to meet the requirements of society. In the article, author proposes solutions to improve the quality of education and training at Banking Academy.*

Keywords: *Renovate teaching methods, specialized training, higher education.*

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đã đặt ra không ít thách thức về nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam. Theo đó, người lao động trong thời kì mới ngoài đáp ứng các kiến thức cơ bản còn phải có kỹ năng, nghiệp vụ chuyên sâu và khả năng thích ứng với môi trường làm việc theo các tiêu chuẩn quốc tế. Nhận thức được tầm quan trọng của việc đào tạo các chuyên ngành chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, thời gian qua, Học viện Ngân hàng đã có nhiều bước đổi mới trong hoạt động đào tạo sinh viên (SV), đặc biệt là việc áp dụng phương pháp dạy học (PPDH) hiện đại. Bài viết chỉ ra các PPDH mới gắn với đào tạo chuyên sâu (ĐTCS); từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học chuyên sâu tại Học viện Ngân hàng.

1. Đặc điểm của các môn học chuyên sâu bậc đại học tại Học viện Ngân hàng

Học viện Ngân hàng hiện có 08 khoa chuyên ngành đào tạo các lĩnh vực khác nhau, gồm: *Tài chính, Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lí, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế và Ngoại ngữ*. Mỗi chuyên ngành đều có tính đặc thù và mục tiêu đào tạo khác nhau; tuy nhiên, đặc điểm chung của ĐTCS ở tất cả các ngành là trang bị cho người học có kiến thức chuyên sâu, có năng lực đảm nhiệm các vị trí công việc trong một lĩnh vực cụ thể. Như vậy, đặc điểm quan trọng nhất của việc ĐTCS là trang bị năng lực thực tiễn đáp ứng theo yêu cầu của những người sử dụng lao động. Để đạt được yêu cầu này, ngoài nội dung môn học, hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị đi kèm, PPDH đóng vai trò quan trọng nhằm truyền tải những kiến thức môn học thành kỹ năng và năng lực cho người học.

2. Đổi mới PPDH phù hợp với môn học chuyên sâu

Thời gian qua, hoạt động dạy học tại Học viện Ngân hàng đã có nhiều chuyển biến tích cực, PPDH truyền thống đã dần được thay thế bởi PPDH tích cực ở hầu hết các môn học. Với mục tiêu lấy “người học làm trung tâm”, sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại, linh hoạt trong việc kết hợp các phương thức truyền đạt đã giúp nâng cao chất lượng dạy học của giảng viên (GV), giúp SV tiếp nhận tri thức hiệu quả hơn.

Các PPDH hiện đại đã phát huy tính tích cực, chủ động của SV; theo đó, GV có vai trò hướng dẫn, gợi ý, tổ chức, giúp SV tự tìm kiếm, khám phá những tri thức mới thông qua hoạt động tranh luận, thảo luận nhóm... Hiện nay, các PPDH hiện đại được áp dụng phổ biến trên thế giới là: *Phương pháp học theo dự án, Phương pháp người học là trung tâm, Phương pháp kỹ thuật tạo ra ý tưởng, Dạy học thông qua tình huống, Dạy học theo kiểu truy vấn, Giáo dục phản biện...* Mỗi phương pháp đều có ưu điểm và hạn chế riêng, phù hợp cho những trường hợp khác nhau về nội dung và đặc điểm môn học, mục tiêu đào tạo, thời lượng, số lượng SV trong lớp...; vì vậy, sử dụng tổng hợp các phương pháp sẽ tạo ra sự phù hợp tốt nhất theo từng môn học, buổi giảng, từng nội dung trong mỗi tiết học.

Các môn học chuyên sâu đặt yêu cầu cao về khả năng ứng dụng thực tiễn; do đó, để thiết kế một bài giảng hiệu quả, ngoài các phương pháp truyền thống (như thuyết trình...), GV có thể nghiên cứu và sử dụng các phương pháp sau:

2.1. Nghiên cứu tình huống. GV đưa ra các tình huống có tính thực tiễn cao và yêu cầu SV hoặc nhóm SV phân tích và giải quyết tình huống. Phương

* Học viện Ngân hàng

pháp này thể hiện tính chủ động trong quá trình học, khuyến khích SV khả năng dự đoán vấn đề cụ thể, tư duy sáng tạo và suy nghĩ sâu sắc hơn, thực tiễn hơn về các vấn đề lí thuyết đã được học. SV phải đọc tình huống và xác định các vấn đề quan trọng sẽ đối mặt, phát triển dữ liệu, phân tích, so sánh các giải pháp và đề xuất hành động. Để đạt được những mục tiêu này, đòi hỏi tình huống nghiên cứu phải súc tích, trình bày rõ ràng, phản ánh các vấn đề thực tế và gợi mở bằng nhiều câu trả lời mang tính tranh luận.

Ban lãnh đạo Học viện Ngân hàng đã có chỉ đạo về việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới PPDH nhằm nâng cao chất lượng bài giảng; theo đó, yêu cầu GV phải xây dựng các Case Study trên cơ sở tình huống thực tế có thực tại Việt Nam cho từng nội dung của mỗi môn học. Phòng Thanh tra - Khảo thí có trách nhiệm xây dựng và gửi mẫu Case Study cho các khoa, bộ môn để thống nhất về nội dung và hình thức.

2.2. Tham gia tọa đàm, hội thảo khoa học, hội nghị. Đây là phương pháp tạo cơ hội cho SV gặp gỡ những người có tên tuổi trong ngành, các GV, chuyên gia đến từ nhiều trường đại học khác liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Qua đây, SV sẽ được các chuyên gia chia sẻ về kiến thức, kinh nghiệm làm việc, giải đáp những vướng mắc hoặc SV thực hiện thuyết trình, trao đổi, thảo luận. Phương pháp này cũng tạo mạng lưới hợp tác giữa các trường đại học, học viện và các chuyên gia trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Các chương trình này đã được đẩy mạnh thực hiện trong thời gian 5 năm trở lại đây, ngoài những chương trình do các khoa, bộ môn tổ chức định kì hàng năm cho SV chuyên ngành, các câu lạc bộ (CLB) học thuật (CLB SV nghiên cứu khoa học, CLB Nhà Ngân hàng tương lai, CLB Chứng khoán, CLB Tài chính, CLB Kế toán - Kiểm toán...) cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tọa đàm, hội thảo, các cuộc thi chuyên ngành dưới hình thức sân khấu hoá và thu hút được đông đảo SV tham gia, góp phần trau dồi kiến thức chuyên ngành và kĩ năng thực tiễn đối với SV.

2.3. Dạy học thực hành. Đây là PPDH trong đó GV làm mẫu để SV quan sát, sau đó SV tự thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV nhằm hoàn thành các bài tập; từ đó, hình thành các kĩ năng, kĩ xảo mà người học sẽ phải thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp sau này. Ngoài ra, PPDH thực hành còn giúp SV củng cố tri thức chuyên ngành, xây dựng phẩm chất, tác phong công nghiệp và phát triển năng lực tư duy để có đủ khả năng xử lí các tình huống nghề nghiệp trong thực tế. Tuy nhiên, phương pháp này thường giới hạn số lượng SV tham gia (khoảng 20 người/lớp) vì hạn chế cơ sở vật chất, thiết bị và GV trực tiếp

hướng dẫn. Ví dụ, đối với các môn *Kế toán ngân hàng*, ngoài những kiến thức lí thuyết cốt lõi về kế toán tại các ngân hàng thương mại, SV còn được hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ chủ yếu tại chi nhánh ngân hàng trên phần mềm IPCAS2 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phần mềm IBANKMASTER của Ngân hàng quân đội... PPDH này sẽ giúp SV dễ dàng tiếp cận với thực tiễn khi đi thực tập tốt nghiệp, tuyển dụng tại ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác.

2.4. Khảo sát thực tế. Đây là hoạt động học thông qua các chuyến tham quan thực tế, gặp gỡ những chuyên gia, thăm những trụ sở làm việc, nắm bắt quy trình và cách thức thực hiện các công việc liên quan đến ngành học. Đặc điểm của phương pháp này là kinh phí tương đối cao và thường được áp dụng đối với các chương trình đào tạo quốc tế hoặc đào tạo chất lượng cao. Chẳng hạn, với chuyên ngành đặc thù, như *Hệ thống thông tin ngân hàng* (Khoa Hệ thống thông tin quản lí) định kì tổ chức buổi khảo sát thực tế tại các ngân hàng thương mại giúp SV tìm hiểu thêm kiến thức thực tế về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong những hoạt động của ngân hàng; đặc biệt là hệ thống ngân hàng lõi CoreBanking và các dịch vụ ngân hàng điện tử E-Banking. Ngoài ra, đến với các cơ sở thực tế, SV còn được tìm hiểu thêm về bộ máy tổ chức hoạt động và các phòng, ban chuyên môn.

Để đảm bảo cho việc áp dụng các PPDH hiệu quả, GV cần lưu ý một số điểm sau: - Tài liệu dạy học nên có tính gợi mở và kích thích sự suy luận; - Nên đặt câu hỏi trong suốt bài giảng để thu hút sự tập trung của SV vào bài học và kiểm tra mức độ hiểu bài của họ; - Lấy ý kiến phản hồi của SV để cải thiện PPDH; - Dành thời gian để chuẩn bị các bước thảo luận và tiến trình thảo luận; - Phân bổ thời gian phù hợp để thảo luận mọi mặt của vấn đề, đồng thời SV nên biết thời gian giới hạn để đi đến kết luận của vấn đề; - Nêu những thông tin cơ bản về chủ đề cần được giới thiệu trước khi thảo luận; - Tạo ra môi trường thoải mái, thân thiện để thúc đẩy quá trình thảo luận; - Khuyến khích SV lắng nghe quan điểm của người khác và có đánh giá của riêng mình.

Đổi mới PPDH cần được hiểu đúng bản chất để tránh nhầm lẫn với thay đổi thủ thuật và kĩ năng dạy học. Việc GV thay đổi cách mở đầu, đặt vấn đề hay lấy những ví dụ minh họa để làm bài giảng sinh động và lôi cuốn chưa phải là đổi mới PPDH. Các PPDH chính là “con đường” truyền tải kiến thức cho người học một cách đầy đủ, đúng và khoa học. Vì vậy, cần nghiên cứu sâu sắc để nắm được bản chất của mỗi PPDH nhằm áp dụng phù hợp với từng nội dung; đặc biệt tránh hiện tượng

xem SV là đối tượng để thử nghiệm những PPDH chưa được đánh giá về tính hợp lí, hiệu quả đối với nội dung kiến thức cần truyền tải.

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện đổi mới PPDH đối với ĐTCS ở Học viện Ngân hàng

3.1. Về phía Ban lãnh đạo Học viện: Cần xây dựng chính sách khuyến khích GV nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực dạy học. Học viện cần chú trọng đến việc tôn vinh những GV xuất sắc nhằm kích lệ sự phấn đấu của họ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của SV, thành tích nghiên cứu khoa học của GV, Học viện chọn ra những GV xuất sắc để khen thưởng (tuyên dương trước toàn Học viện, mời nói chuyện truyền đạt kinh nghiệm cho đồng nghiệp...). Học viện phối hợp với Trung tâm đào tạo mời các GV xuất sắc của trường tổ chức những lớp học, lớp tập huấn miễn phí về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV. Ngoài ra, cần phát huy vai trò của Trung tâm đào tạo thông qua nhiệm vụ hỗ trợ dạy học cho GV. Nhân sự tham gia hoạt động này là GV thuộc các khoa, vừa tham gia dạy tại các khoa vừa làm nhiệm vụ nghiên cứu dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám đốc; đồng thời, có chức năng thiết kế chương trình, PPDH và đánh giá, sử dụng công nghệ dạy học, thiết kế và ứng dụng các phần mềm phục vụ đào tạo hỗ trợ nghiệp vụ sư phạm cho tất cả GV của trường; giúp GV phát triển và sử dụng PPDH tương tác và các PPDH tích cực để họ có thể trình bày tài liệu môn học theo các cách và quan điểm mới khác nhau nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đề ra.

3.2. Về phía GV: Cần nâng cao nhận thức, trình độ và kĩ năng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH đối với các môn học chuyên sâu. Cụ thể:

- *GV phải hiểu rõ đặc thù của ngành học:* Mỗi chuyên ngành đào tạo đều có tính đặc thù và mục tiêu đào tạo khác nhau. Ví dụ, đối với chuyên ngành *Tài chính doanh nghiệp*, yêu cầu phải có kiến thức vừa rộng vừa sâu về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp. SV tốt nghiệp chuyên ngành này phải có năng lực đảm nhiệm các vị trí: chuyên gia phân tích tài chính, kế toán, chuyên gia hoạch định tài chính, chuyên gia phân tích đầu tư và môi giới chứng khoán, chuyên gia quản trị và định giá tài sản tài chính, chuyên gia phân tích và thiết lập các chương trình quản trị rủi ro, chuyên gia tín dụng và đầu tư... Xuất phát từ đặc thù chuyên ngành đào tạo, GV cần thiết kế bài giảng với các nội dung, PPDH phù hợp; biết khai thác, sử dụng thành thạo các phần mềm thực hành có tính ứng dụng cao trong lĩnh vực đào tạo.

- *GV có trình độ chuyên môn tốt về môn học đảm*

nhận: GV có chuyên môn tốt bao gồm trình độ lí thuyết và thực hành tốt, vừa nắm vững cơ sở lí luận môn học mình đảm nhận và các môn học liên quan nhằm bổ sung cho bài giảng, vừa biết vận dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế, lấy kiến thức từ thực tế đưa vào nội dung của bài giảng. Trình độ chuyên môn của GV được thể hiện qua trình độ đào tạo, chất lượng bài giảng, xây dựng đề cương môn học, viết giáo trình, đam mê nghiên cứu khoa học...

- *GV có năng lực sư phạm tốt:* Năng lực sư phạm của GV chính là “chìa khoá” để lôi cuốn SV vào bài giảng; kích thích sự say mê đối với môn học, ngành học; đồng thời, tạo cho người học tự tin vào bài giảng và kiến thức của người dạy. Kĩ năng sư phạm thể hiện qua khả năng truyền đạt mục tiêu, lựa chọn PPDH hiệu quả, tạo cơ hội cho SV thực hành và đưa ra ý kiến phản hồi. GV có năng lực sư phạm tốt là người có khả năng tạo cơ hội để SV tiếp nhận kiến thức, kĩ năng và ứng dụng vào thực tiễn. Để duy trì năng lực sư phạm, GV phải tích cực cập nhật và điều chỉnh các PPDH phù hợp, thường xuyên đọc tài liệu, trau dồi kiến thức, tích cực tham dự hội thảo, hội nghị và thử nghiệm các PPDH khác nhau trong một khoá học hay với một nhóm SV nhất định.

- *GV cần luôn quan tâm đến sự phát triển của SV:* Trách nhiệm cao nhất và cuối cùng của GV là góp phần tạo ra sự phát triển của SV, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên môn. Quá trình thiết kế bài giảng cần phải thúc đẩy việc học, kích thích tinh thần tự học, tự nghiên cứu và hình thành tư duy độc lập ở SV. Quá trình dạy học phải kiểm soát được SV tiếp thu bài giảng ở mức độ nào và kết quả học tập của họ ra sao để có điều chỉnh PPDH, kiến thức truyền đạt phù hợp với trình độ người học hơn. Hướng dẫn cho SV làm quen và thực hiện nghiên cứu khoa học, áp dụng vào thực tế hay nghiên cứu những đề tài có tính ứng dụng cao. Bên cạnh đó, GV cần thể hiện sự công bằng trong đánh giá, thái độ tôn trọng và đề cao tinh thần học tập của SV, khơi dậy khả năng trình bày và bảo vệ quan điểm cá nhân trước các nội dung lí luận và thực tiễn liên quan đến môn học.

3.3. Về phía SV: Cần tăng cường tính chủ động, sáng tạo và hứng thú trong quá trình học. Thách thức lớn nhất khi áp dụng các PPDH hiện đại vào ĐTCS thuộc về tính năng động, yêu thích kiến thức và khả năng tư duy độc lập của SV. Nhiều SV đã quá quen thuộc với cách tiếp thu kiến thức thụ động (thầy giảng - trò ghi chép) nên khi chuyển qua PPDH mới - đòi hỏi sự năng động, khả năng tư duy, sáng tạo thì khó thích ứng. Như vậy, cần phải nâng cao tính chủ động, sáng

(Xem tiếp trang 40)

theo phong trào... mà nó không thực sự đánh giá được TTCHT của các em. Như vậy, GV đánh giá cao TTCHT thông qua việc thường xuyên phát biểu, xây dựng bài trên lớp.

3. Kết luận

TTCHT của SV là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học trong trường. Có nhiều phương pháp khác nhau nhằm phát huy TTCHT của SV. Kết quả khảo sát cho thấy, Trường Đại học kinh tế Quốc dân đã đặc biệt quan tâm đến việc phát huy TTCHT của SV. GV đã có nhiều biện pháp lồng ghép nhằm phát huy tối đa tính tích cực của người học. Nhờ đó, SV đã có những nhận thức cơ bản, đúng đắn về vị trí vai trò của TTCHT. Tuy nhiên, số này chưa nhiều và còn nặng về hình thức biểu hiện tính tích cực mà chưa nhận thức sâu sắc bản chất của TTCHT. Vì vậy, GV cần tổ chức định hướng, xác định mục tiêu học tập, phương pháp học tập đúng đắn để đạt kết quả học tập cao, giúp các em thực sự có đam mê nghề nghiệp, tích lũy kiến thức và kĩ năng tốt để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. □

Tài liệu tham khảo

[1] Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành

Trung ương Đảng (khóa VII) (1/1993) về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

[2] Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996, về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

[3] Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 27/6/2005.

[4] Bộ GD-ĐT (2010). Tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2006-2010 và định hướng phát triển 5 năm 2011-2015 khối Khoa học giáo dục. Kỷ yếu hội nghị.

[5] Phạm Văn Tuấn (2011). Một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Tạp chí Tâm lí học, số 02, tháng 09/2011, tr 74-78.

[6] Đỗ Thị Cong. Nâng cao tính tự giác tích cực trong hoạt động học tập của sinh viên. Tạp chí Tâm lí học số 3/3/2003, tr 60.

[7] Đặng Thành Hưng (2001). Dạy học hiện đại - lí luận, biện pháp, kĩ thuật. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[8] Trần Bá Hoàn (2006). Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa. NXB Đại học Sư phạm.

[9] Đặng Vũ Hoạt (chủ biên) - Hà Thị Đức (2009). Lí luận dạy học đại học. NXB Đại học Sư phạm.

[10] Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier (2007). Lí luận dạy học hiện đại. NXB Đại học Sư phạm.

Đổi mới phương pháp dạy học...

(Tiếp theo trang 33)

tạo và sự hứng thú của SV trong quá trình học. Để đáp ứng được yêu cầu này, SV phải có tư duy độc lập, thảo luận, tranh luận trong nhóm hay với GV, tìm hiểu thêm về lí thuyết, tài liệu tham khảo... Chính trong quá trình tư duy, tranh luận, bảo vệ và sửa đổi các đề xuất - giải pháp của mình, SV đã tham gia vào quá trình nhận thức; từ đó, tạo ra sự hứng thú và say mê học tập, sáng tạo của SV.

Ngoài các nhóm giải pháp trên, môi trường, điều kiện cơ sở vật chất cũng đóng vai trò rất quan trọng. Các yếu tố về điều kiện trang bị vật chất và phương tiện học tập như: thư viện, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, Internet...; tổ chức lớp học nhỏ (không quá 40 SV), phòng học trang bị tiện nghi và linh hoạt; khai thác tối đa hệ thống công nghệ thông tin phục vụ dạy học và quản lí; đảm bảo đầy đủ học liệu, tài liệu tham khảo; trang bị phòng trợ giảng, phòng học nhóm cho SV... và sự hợp tác của doanh nghiệp/xã hội trong quá trình cung cấp thông tin cho GV và SV cũng cần phải cải thiện nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện đổi mới PPDH các môn học chuyên sâu.

Nhận thức và hiểu đúng bản chất của việc đổi mới PPDH đối với các môn học chuyên sâu sẽ giúp lựa chọn và áp dụng các PPDH phù hợp đối với đặc thù từng môn học và nội dung bài học. Thực hiện đổi mới PPDH các môn học chuyên sâu hiệu quả sẽ đặt ra nhiều thách thức, đòi hỏi cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa GV - SV - nhà trường nhằm góp phần trang bị cho SV kiến thức chuyên môn, kĩ năng, năng lực thực tiễn mang tính ứng dụng cao trước yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường lao động trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

[1] P. Harris - R. Johnson (2002). *Non-Traditional Teaching & Learning Strategies*. International Conference on Problem-Based Learning in Higher Education, Balti. more, Maryland.

[2] Shahida Sajjad (2010). *Effective Teaching Methods at Higher Education Level*. Pakistan Journal of Special Education.

[3] Nguyễn Mai Hương (2005). *Cải tiến phương pháp học tập của sinh viên - yếu tố quan trọng để triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy ở đại học*. Tạp chí Phát triển giáo dục, số 3.